

Bản án số: 09/2021/HNGĐ – ST
Ngày 21/6/2021
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Lương Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đinh Công Ó.

- Bà Lê Thị Bồng.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Khánh Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: ông Hà Văn Nhẫn – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2021/TLST – HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2021 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST – DS, ngày 07 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Đinh Văn C, sinh năm 1991. Đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại bản Ch, xã TH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Bị đơn: chị Trương Thị Mỹ D, sinh năm 1997. Đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản Ch, xã TH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Hiện cư trú tại ấp XD, xã HA, huyện GR, tỉnh K.

Anh Đinh Văn C có mặt tại phiên tòa, chị Trương Thị Mỹ D có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai, ý kiến trình bày tại phiên tòa nguyên đơn anh Đinh Văn C trình bày:

Anh C và chị Trương Thị Mỹ D kết hôn với nhau vào ngày 26/6/2019 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La theo quy định.

Qua quá trình chung sống cả hai vợ chồng hòa thuận hạnh phúc một thời gian khoảng gần một năm thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh hai vợ chồng không hiểu nhau và bất đồng quan điểm sống, sau đó đến khoảng tháng 3 năm 2020 chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại ấp XD, xã HA, huyện GR, tỉnh K, anh C đã nhiều lần vào gia đình vợ tại K để đón chị D quay về sinh sống tại huyện Phù Yên nhưng chị D kiên quyết không quay về để đoàn tụ vợ chồng. Trong thời gian ly thân thì hai vợ chồng đã được gia đình hai bên, anh em bạn bè khuyên giải nhưng chị D không nhất trí đoàn tụ gia đình.

Đến nay anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh kiên quyết xin được ly hôn chị Trương Thị Mỹ D để giải phóng cho cả hai bên yên tâm lao động, làm ăn và đi tìm hạnh phúc mới.

Về con chung: Vợ chồng anh chị chưa có con chung.

Về tài sản chung: Không có, vì sau khi kết hôn thì hai vợ chồng về chung sống với gia đình chồng và cũng không có đóng góp gì vào khối tài sản chung của gia đình nhà chồng.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong bản tự khai, đơn đề nghị bị đơn chị Trương Thị Mỹ D trình bày:

Về thời gian kết hôn và nơi kết hôn thì chị nhất trí như đơn khởi kiện và bản tự khai của anh C đã trình bày. Anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc một thời gian ngắn thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do hai vợ chồng không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống, đến tháng 3 năm 2020 thì chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở ấp XD, xã HA, huyện GR, tỉnh K sinh sống. Đến nay chị xác định

không còn tình cảm vợ chồng và chị nhất trí ly hôn anh C để cả hai vợ chồng yên tâm làm ăn và đi tìm hạnh phúc mới.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã cung cấp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ gồm: Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn; Giấy chứng nhận kết hôn (bản gốc); Bản tự khai; Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân chị (bản sao); Giấy xác nhận; Đơn lựa chọn Tòa án giải quyết việc ly hôn; Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Tài liệu do Tòa án thu thập gồm: Biên bản xác minh ngày 03/6/2021 tại Trưởng bản Ch, xã TH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La;

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập để hòa giải nhưng anh C có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và chị D đề nghị xin xét xử vắng mặt vì vậy vụ án được đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, đã thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71, 72 và 209 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: áp dụng điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Văn C, đề nghị xử cho anh C được ly hôn chị D.

Về con chung; Tài sản chung; Nợ chung: Không có.

Về án phí: anh Đinh Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Anh Đinh Văn C và chị Trương Thị Mỹ D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định, có đăng ký hộ khẩu tại bản Ch, xã TH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, tuy nhiên hiện nay chị D về sinh sống và cư trú tại nhà bố mẹ đẻ tại ấp XD, xã HA, huyện GR, tỉnh K. Hiện anh chị có yêu cầu về ly hôn và có văn bản lựa chọn Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn là Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La giải quyết việc ly hôn, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm b khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trương Thị Mỹ D có ý kiến đề nghị không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải và xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị D là phù hợp với quy định của pháp luật. Do nguyên đơn anh C đề nghị không tiến hành các phiên họp và hòa giải, bị đơn chị D đề nghị không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được là phù hợp theo quy định tại khoản 2, khoản 4 điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do hai anh chị bất đồng quan điểm sống, không quan tâm đến nhau, hiện nay anh chị đang sống ly thân mỗi người một nơi, cả hai anh chị đều có ý kiến được ly hôn.

Xét thấy: Tòa án tổ chức hòa giải để anh chị đoàn tụ gia đình, tiếp tục cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng anh C đề nghị không tiến hành phiên họp và chị D đề nghị không có mặt để giải quyết vụ án, anh C kiên quyết xin ly hôn, chị D cũng nhất trí ly hôn. Trong thời gian anh chị sống ly thân từ khoảng tháng 3 năm 2020 đến nay, hai anh chị không quan tâm đến nhau, và không có hướng

khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tình cảm vợ chồng của anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận đề nghị của anh C được ly hôn chị D.

[4] Về con chung; Về tài sản chung; Về tài sản riêng và nợ chung: Không có.

Do cả hai anh chị đều tự khai không có con chung, tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung và tại phiên tòa anh C giữ nguyên ý kiến không có con chung, tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Tuy nhiên nếu trong trường hợp anh chị có yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung (nếu có) thì anh C, chị D có yêu cầu quyền khởi kiện giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Đinh Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Đinh Văn C được ly hôn chị Trương Thị Mỹ D.

2. Về án phí: anh Đinh Văn C phải chịu 300.000,đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu, quyển số: 017, số 0000831, ngày 02/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Anh Đinh Văn C đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 22 điều 70; điều 271; điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: Nguyên đơn anh Đinh Văn C, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 21/6/2021.

Bị đơn chị Trương Thị Mỹ D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên (2);
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- UBND xã TH, huyện Phù Yên;
(nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự (4);
- Lưu HS; AV;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lê Lương Anh